

**CÔNG TY TNHH HERE AND THERE DESIGN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HERE AND THERE DESIGN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HERE AND THERE DESIGN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HERE AND THERE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109612120

**3. Ngày thành lập:** 27/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Shophouse A7-210, KĐT An Bình City, 232 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986359641

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                      | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                          | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                           | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                               | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                    | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                     | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                      | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                               | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                        | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                  | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                             | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                 | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng) | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                  | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                  | 4322     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                         | 4329     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                         | 4330     |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                    | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động đo đạc và bản đồ</p> <p>Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước</p> <p>Khảo sát địa hình;</p> <p>Khảo sát địa chất công trình.</p> <p>Thiết kế quy hoạch xây dựng</p> <p>Thiết kế kiến trúc công trình;</p> <p>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;</p> <p>Thiết kế cơ - điện công trình;</p> <p>Thiết kế cấp - thoát nước công trình;</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>Giám sát công tác xây dựng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.</li> </ul> <p>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.</p> | 7110        |
| 21. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7410(Chính) |
| 22. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1393        |
| 23. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1512        |
| 24. | <p>Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2599        |
| 25. | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2652        |
| 26. | <p>Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ</p> <p>Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại</p> <p>Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3100        |
| 27. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>(Loại trừ hoạt động đấu giá)</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Đại lý bán hàng hóa</p> <p>Môi giới mua bán hàng hóa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 28. | <p>Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                      | 4649 |
| 30. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690 |
| 31. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4753 |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI XUÂN THỊNH | Số 12 Ngõ 79 Đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.320.000.000         | 66,000    | 001094024910                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ MAI | Tổ 40 Cụm 6, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | 680.000.000           | 34,000    | 001166000200                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI XUÂN THỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/04/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001094024910

Ngày cấp: 23/07/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12 Ngõ 79 Đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12 Ngõ 79 Đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội